



Mã nhận dạng 00669

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

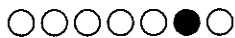
Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118003	Châu VT	DH18CC	Anh		7,0	6,7	7,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	Đo		8,0	6,0	7,0	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118029	Trần Vĩnh	DH18CC	Duy		7,0	6,7	5,0	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118033	Lê Phúc	DH18CC	Ph		7,0	8,0	5,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118014	Bạch Thanh	DH18CC	Đại		7,0	6,0	7,0	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC	Đạt		9,0	6,7	6,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118022	Phan Thành	DH18CC	Thành		8,0	5,3	4,5	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118015	Nguyễn Hải	DH18CC	H		6,0	6,7	4,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118024	Lê Xuân	DH18CC	Đức		7,0	5,3	8,5	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118025	Nguyễn Huỳnh	DH18CC		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118039	Trần Tuấn	DH18CC	Hiệp		7,0	7,3	8,0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118057	Trần Trọng	DH18CC	Tr		8,0	6,7	6,0	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118058	Đào Đăng	DH18CC	Ch		7,0	6,0	8,0	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118077	Thét Chủ	DH18CC	Th		7,0	5,3	7,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118069	Nguyễn Quý	DH18CC	Quý		9,0	6,0	8,0	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00669

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi

001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			7,0	6,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
18	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			7,0	5,3	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
19	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			7,0	7,3	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
20	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			7,0	6,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
21	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
22	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			7,0	7,3	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
23	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			7,0	8,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
24	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			7,0	7,3	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
25	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			9,0	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
26	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			7,0	6,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
27	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			7,0	8,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
28	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			7,0	8,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
29	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			8,0	6,7	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
30	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			7,0	8,7	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
31	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			7,0	4,7	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
32	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			7,0	8,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00669

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu phi kim loại(207120)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 21/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC	Trung		6,0	6,7	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
34	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC	Đan		8,0	6,0	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
35	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC	Minh Tuấn		7,0	6,7	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
36	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	Tuấn		9,0	6,7	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
37	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC	Tùng		7,0	8,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
38	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC	Tuyên		8,0	6,7	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
39	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC	Vinh		8,0	6,7	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
40	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC	Long Vũ		7,0	6,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 38. Số sinh viên vắng 02.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00673

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC							0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC					6		0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC					6.5		0012345678910	0123456789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC							0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC					5.5		0012345678910	0123456789
10	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC					6		0012345678910	0123456789
11	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC					6		0012345678910	0123456789
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC					7		0012345678910	0123456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC					5		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00673

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207136)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn	Tinh	DH18CKC				5		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh	Trâm	DH18CKC				6		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng2

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hien

Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 00675

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_10**

Tổ Thi **001_DH19CC_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		7,5	7,5	7,0	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19115007	Đỗ Trọng Bảo	DH19CB	Bao		7,0	7,0	8,0	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
3	19118013	Nguyễn Tiêu Bảo	DH19CC	Bao		5,0	7,5	4,5	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19115011	Trần Viết Hoàng Bửu	DH19CB	Bu		9,0	7,0	8,5	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19115012	Ngô Thị Hồng Cẩm	DH19CB	Cam		9,0	8,0	8,5	8,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19115014	Nguyễn Đình Căn	DH19CB	Can		6,0	8,0	5,5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19115015	Nguyễn Ngọc Chiến	DH19CB	Chi		6,0	7,0	4,5	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	14154080	Nguyễn Hoàng Diên	DH14OT	Di		6,5	8,5	3,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19115022	Trần Thị Phương Dung	DH19CB	Dung		8,0	8,0	7,5	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
10	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dung		7,0	7,5	4,0	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Dung		6,0	8,5	5,0	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
12	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	Duy		5,0	7,0	4,0	4,8	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
13	19115025	Phan Thanh Duy	DH19CB	Duy		6,0	8,0	3,0	4,6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	19115024	Huỳnh Đăng Dương	DH19CB	Duong		6,0	7,0	5,0	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
15	19115016	Ngô Hoàng Nha Đàm	DH19CB	Dam		7,0	7,5	6,0	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	Dao		6,0	8,0	5,0	5,8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨



Mã nhận dạng 00675

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CC_10**

Tổ Thi **001_DH19CC_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **05/09/2020**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV301**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19115138	Nguyễn Xuân Tuấn	DH19CB	<i>Tuấn</i>		6,0	8,0	7,0	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	19115139	Nguyễn Quốc Tuấn	DH19CB	<i>Tuấn</i>		9,0	9,0	6,5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
51	19115141	Trần Thị Thanh Tuyền	DH19CB	<i>Tuyền</i>		8,5	9,0	7,0	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
52	19115144	Phùng Minh Vũ	DH19CB	<i>Ph</i>		5,0	8,5	7,5	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	19115145	Đào Duy Phong Vương	DH19CB	<i>Đ</i>		0,0	8,5	6,0	5,3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	19115148	Dương Ngọc Tường Vy	DH19CB	<i>Vy</i>		9,0	9,0	5,5	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
55	19115151	Lữ Thị Như Ý	DH19CB	<i>ly</i>		7,5	8,0	5,5	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 5,3 Số sinh viên vắng 0,2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong
N. V. Kiệp

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 07/07/2020



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 10

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	Bình	DH15CD		7,0	8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
2	14118105	Nguyễn Văn	Bình	DH14CC		4,0	4,0	5,0	4,5	0012345678910	0123456789
3	16153004	Dư Tiến	Công	DH16CD		6,0	5,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
4	16153005	Võ Thái	Công	DH16CD		6,0	5,0	7,0	6,2	0012345678910	0123456789
5	17153021	Đặng Thế	Duy	DH17CD		7,0	8,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
6	16118041	Trần Đức	Duy	DH16CC		7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
7	15153014	Nguyễn Phương	Duyệt	DH15CD						0012345678910	0123456789
8	12153167	Trương Phát	Đạt	DH12CD						0012345678910	0123456789
9	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK		7,0	5,0	7,0	6,4	0012345678910	0123456789
10	16153021	Nguyễn Nhật	Hải	DH16CD		5,0	5,0	7,0	6,0	0012345678910	0123456789
11	15153017	Trịnh Văn	Hải	DH15CD		5,0	6,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
12	17153026	Nguyễn Trường	Hận	DH17CD		5,0	6,0	7,0	6,3	0012345678910	0123456789
13	17153032	Lê Nguyễn	Huy	DH17CD		6,0	5,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
14	16118081	Trần Hữu	Lâm	DH16CK		8,0	6,0	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
15	14153029	Hàng	Lực	DH14CD						0012345678910	0123456789
16	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	DH19CK		5,0	6,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00526

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Vẽ kỹ thuật 2 (207139) - 10

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	Vinh		5,0	3,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
34	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD	W		6,0	5,0	8,0	6,7	0012345678910	0123456789
35	15118137	Nguyễn Quốc Vương	DH15CK	W		5,0	4,0	6,0	5,2	0012345678910	0123456789
36	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK	W		4,0	5,0	6,0	5,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00689

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi

001_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118003	Châu Vĩ	DH18CC	<i>anh</i>		10	6,0	3,6	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118001	Dương Tấn Hoàng	DH18CC	<i>hoàng</i>		10	7,0	6,2	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
4	18118006	Triệu Xuân	DH18CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118008	Phan Văn Chí	DH18CC	<i>chi</i>		10	7,0	6,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
6	18118011	Nguyễn Trung	DH18CK	<i>trung</i>		10	6,0	4,6	5,6	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
7	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC	<i>cao</i>		10	5,0	7,0	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	18118013	Nguyễn Đức	DH18CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118016	Đặng Hữu	DH18CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118017	Nguyễn Công	DH18CK	<i>cong</i>		7,0	4,0	4,6	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
11	18118028	Triệu Quốc	DH18CK	<i>quoc</i>		10	5,0	8,0	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
12	18118029	Trần Vĩnh	DH18CC	<i>vinh</i>		10	5,0	4,8	5,4	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
13	18118033	Lê Phúc	DH18CC	<i>phuc</i>		10	5,0	3,6	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
14	18118034	Nguyễn Đức	DH18CK	<i>duc</i>		10	5,0	4,2	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118036	Ứng Phương	DH18CC	<i>phuong</i>		10	7,0	3,6	5,3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
16	18118014	Bạch Thanh	DH18CC	<i>thanh</i>		10	6,0	5,4	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00689

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			10	8,0	4,8	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			8,0	7,0	5,2	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			10	7,0	5,4	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 2... Số sinh viên vắng ...6.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00690

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi

002_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			10	7,0	3,6	5,3	0012345678910	0123456789
2	18118088	Lê Đại	DH18CC			10	7,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
3	18118090	Phan Trung	DH18CC			10	7,5	4,4	5,9	0012345678910	0123456789
4	18118094	Bồ Tấn	DH18CC			10	7,0	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
5	18118096	Đặng Danh	DH18CC			10	7,0	4,6	5,9	0012345678910	0123456789
6	18118098	Nguyễn Trung	DH18CK			10	7,0	4,2	5,6	0012345678910	0123456789
7	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC			10	7,0	2,4	4,5	0012345678910	0123456789
8	18118103	Nguyễn Thuận	DH18CK			8,0	7,0	4,6	5,7	0012345678910	0123456789
9	18118109	Nguyễn Huỳnh	DH18CK			10	6,0	3,2	4,7	0012345678910	0123456789
10	18153059	Vũ Thế	DH18CD			10	7,0	4,4	5,7	0012345678910	0123456789
11	18118120	Lê Tấn	DH18CC			10	7,0	2,6	4,7	0012345678910	0123456789
12	18118122	Nguyễn Minh	DH18CC			10	8,0	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
13	18118124	Nguyễn Khắc	DH18CK			10	8,0	4,6	6,2	0012345678910	0123456789
14	18118127	Lương Văn	DH18CC			8,0	8,0	4,8	6,1	0012345678910	0123456789
15	18118128	Phạm Văn	DH18CC			10	7,0	6,4	6,9	0012345678910	0123456789
16	18118129	Phan Quốc	DH18CC			7,0	7,0	4,2	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00690

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi

002_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC	Trung		10	7,0	3,8	6,6	0012345678910	0123456789
34	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	Trung		8,0	7,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
35	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK	Trường		10	8,0	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
36	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC	Quân		10	7,0	4,2	5,6	0012345678910	0123456789
37	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	Tuấn		8,0	7,0	5,2	6,0	0012345678910	0123456789
38	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT	Tuệ		10	8,0	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
39	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC	Tùng		10	7,0	3,4	5,1	0012345678910	0123456789
40	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK	Th		8,0	8,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
41	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC	AT		10	6,0	4,4	5,4	0012345678910	0123456789
42	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK	-v		10	8,0	3,8	5,7	0012345678910	0123456789
43	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC	Ph		8,0	8,0	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
44	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC	Ph		10	8,0	4,2	5,9	0012345678910	0123456789
45	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC	LH		10	8,0	5,8	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00690

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi

002_DH18CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 43 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phạm văn hiếu

Bùi Công Hành

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00691

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi

001_DH18CK_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	DH18CK		8		2,6	4,3	0012345678910	0123456789
2	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK		7		2,8	4,1	0012345678910	0123456789
3	18118018	Nguyễn Võ Công	Danh	DH18CK		7		4	4,9	0012345678910	0123456789
4	18118035	Thái Hoàng	Duy	DH18CK		8		5,6	6,1	0012345678910	0123456789
5	18154017	Nguyễn Tấn	Đại	DH18OT		7		6,8	6,9	0012345678910	0123456789
6	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK		8		3,6	5	0012345678910	0123456789
7	14137002	Lê Nguyễn Việt	Hào	DH14NL		7		6,6	6,8	0012345678910	0123456789
8	18118040	Bùi Trung	Hiếu	DH18CK						0012345678910	0123456789
9	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		8		6,4	6,9	0012345678910	0123456789
10	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK		7		5,8	6,2	0012345678910	0123456789
11	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK		7		4,2	5,1	0012345678910	0123456789
12	18137024	Trần Đăng	Khoa	DH18NL		8		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
13	18154057	Đặng Nguyễn Minh	Kiên	DH18OT						0012345678910	0123456789
14	16118081	Trần Hữu	Lâm	DH16CK		8		6	6,6	0012345678910	0123456789
15	14118190	Huỳnh Công	Lân	DH14CK		8		2,4	4,1	0012345678910	0123456789
16	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK		7		5,2	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00691

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_02**

Tổ Thi **001_DH18CK_02**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			7		4,8	5,5	0012345678910	0123456789
18	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			8		3,6	5	0012345678910	0123456789
19	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			7		7	7	0012345678910	0123456789
20	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			8		2,8	4,4	0012345678910	0123456789
21	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
22	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
23	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			5		6,4	6	0012345678910	0123456789
24	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			7		3,8	4,8	0012345678910	0123456789
25	18154085	Lê Quốc Nhân	DH18OT							0012345678910	0123456789
26	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			8		6,8	7,2	0012345678910	0123456789
27	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT			7		2,8	4,1	0012345678910	0123456789
28	17153053	Đoàn Trần Minh Nhật	DH17CD							0012345678910	0123456789
29	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			8		5,6	6,4	0012345678910	0123456789
30	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			8		7,2	7,5	0012345678910	0123456789
31	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			7		4,8	5,5	0012345678910	0123456789
32	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			7		4,6	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00691

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi

001_DH18CK_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			8		5	5,9	0012345678910	0123456789
34	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			7		5,8	6,2	0012345678910	0123456789
35	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			8		6,6	7,1	0012345678910	0123456789
36	18118115	Quách Ngọc Quí	DH18CK			8		7,6	7,8	0012345678910	0123456789
37	18118116	Lê Triệu Quốc	DH18CK							0012345678910	0123456789
38	18154107	Nguyễn Hữu Sum	DH18OT							0012345678910	0123456789
39	18154117	Trương Quang Thi	DH18OT							0012345678910	0123456789
40	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			7		4,6	5,4	0012345678910	0123456789
41	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			8		4,4	5,5	0012345678910	0123456789
42	18118154	Bùi Thanh Tiên	DH18CK							0012345678910	0123456789
43	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			8		4,2	5,4	0012345678910	0123456789
44	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			0		2,2	1,6	0012345678910	0123456789
45	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			7		4,2	5,1	0012345678910	0123456789
46	18118159	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18CK							0012345678910	0123456789
47	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			7		6,6	6,8	0012345678910	0123456789
48	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			7		5	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00691

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CK_02

Tổ Thi

001_DH18CK_02

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	<i>Trường</i>		8		3,4	4,8	0012345678910	0123456789
50	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC	<i>Anh Tuấn</i>		8		4,2	5,4	0012345678910	0123456789
51	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK	<i>Anh Tuấn</i>		7		2	3,5	0012345678910	0123456789
52	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK	<i>Minh Tuấn</i>		7		3,6	4,7	0012345678910	0123456789
53	18137049	Lê Kim Vinh	DH18NL	<i>Vinh</i>						0012345678910	0123456789
54	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK	<i>Vinh</i>		8		3,4	4,8	0012345678910	0123456789
55	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK	<i>Vũ</i>		8		5,6	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng 10

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Li Quang Hân
T. e. Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00692

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **001_DH19CD_03**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 80%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153001	Trần Phước An	DH19CD			8		5,2	6,1	0012345678910	0123456789
2	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			7		5,2	5,8	0012345678910	0123456789
3	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			7		3,6	4,7	0012345678910	0123456789
4	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			7		5,4	5,9	0012345678910	0123456789
5	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
6	19153008	Ngô Trung Đình	DH19CD			7		3,2	4,4	0012345678910	0123456789
7	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			8		7,4	7,6	0012345678910	0123456789
8	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			8		4,8	5,8	0012345678910	0123456789
9	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			8		4,4	5,5	0012345678910	0123456789
10	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			7		5,6	6,1	0012345678910	0123456789
11	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			8		6,8	7,2	0012345678910	0123456789
12	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			8		7,6	7,8	0012345678910	0123456789
13	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			8		3,6	5	0012345678910	0123456789
14	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
15	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			8		6,6	7,1	0012345678910	0123456789
16	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			7		3,8	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00692

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi

001_DH19CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154042	Nguyễn Thanh Hiền	DH19OT							0012345678910	0123456789
18	19153019	Bùi Anh	DH19CD			8		2,6	4,3	0012345678910	0123456789
19	19153020	Nguyễn Ngọc	DH19CD			8		3,6	5	0012345678910	0123456789
20	19153021	Lê Phước	DH19CD	Hoài		8		3,4	4,8	0012345678910	0123456789
21	19118088	Hà Quang	DH19CK	Hu		7		4,8	5,5	0012345678910	0123456789
22	19153025	Lương Quang	DH19CD	Huy		7		4,8	5,5	0012345678910	0123456789
23	19153026	Trần Quốc	DH19CD	Qu		5		4,8	4,9	0012345678910	0123456789
24	19137029	Trần Văn	DH19NL	Huy		8		4	5,2	0012345678910	0123456789
25	19118082	Nguyễn Cao	DH19CC			7		4,2	5,1	0012345678910	0123456789
26	19137024	Bùi Ngô Gia	DH19NL	Hu		8		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
27	19153029	Hoàng Cao	DH19CD	Kh		8		3,6	5	0012345678910	0123456789
28	19154064	Huỳnh Quang	DH19OT	Kh		8		6	6,6	0012345678910	0123456789
29	19153030	Nguyễn Duy	DH19CD	Khang		7		3,8	4,8	0012345678910	0123456789
30	19154070	Phan Văn	DH19OT	Ph		8		2,2	4	0012345678910	0123456789
31	19153033	Mai Đăng	DH19CD	Khoa		7		3,2	4,4	0012345678910	0123456789
32	19153034	Chu Trương Đăng	DH19CD	L		8		4,4	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00692

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi

001_DH19CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL			7		4	4,9	0012345678910	0123456789
34	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			7		4,8	5,5	0012345678910	0123456789
35	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			8		5	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cao Đức Lợi

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 00693

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **002_DH19CD_03**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD	Kiệt		8		8	4,5	0012345678910	0123456789
2	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT	Bao		8		2,2	4	0012345678910	0123456789
3	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD	VanLoc		8		2,2	4	0012345678910	0123456789
4	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL	Mi		8		2,4	4,1	0012345678910	0123456789
5	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD	Son		8		5	5,9	0012345678910	0123456789
6	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD	Minh		8		2,4	4,1	0012345678910	0123456789
7	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL	Nam		7		5,2	5,8	0012345678910	0123456789
8	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD	Nam		8		5,4	6,2	0012345678910	0123456789
9	19153045	Bùi Hoàng Phước Nghĩa	DH19CD	Phuoc		7		3,8	4,8	0012345678910	0123456789
10	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK	Ngoc		7		6,4	6,6	0012345678910	0123456789
11	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL	Ngoc		7		4,6	5,4	0012345678910	0123456789
12	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL	Nhat		7		2,8	4,1	0012345678910	0123456789
13	19153053	Nguyễn Vương Nhựt	DH19CD	Nhut		8		2,2	4	0012345678910	0123456789
14	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD	Phong		8		2,4	4,1	0012345678910	0123456789
15	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD	Phong		8		5	5,9	0012345678910	0123456789
16	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD	Phu		8		3	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00693

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CD_03

Tổ Thi

002_DH19CD_03

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			8		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
18	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			8		1,6	3,6	0012345678910	0123456789
19	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
20	19154127	Nguyễn Văn Quý	DH19OT			8		5	5,9	0012345678910	0123456789
21	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			8		4,8	5,8	0012345678910	0123456789
22	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			8		6	6,6	0012345678910	0123456789
23	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			8		5,8	6,5	0012345678910	0123456789
24	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			8		4,4	4,1	0012345678910	0123456789
25	19153068	Huỳnh Văn Tấn	DH19CD			7		2	3,5	0012345678910	0123456789
26	19153069	Lương Bảo Thái	DH19CD							0012345678910	0123456789
27	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			8		4,2	5,4	0012345678910	0123456789
28	19153073	Nguyễn Tuấn Thanh	DH19CD			7		5,6	6,1	0012345678910	0123456789
29	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			8		4,4	5,5	0012345678910	0123456789
30	19153075	Nguyễn Tấn Thành	DH19CD			8		5	5,9	0012345678910	0123456789
31	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			8		4	5,2	0012345678910	0123456789
32	19153077	Nguyễn Gia Thịnh	DH19CD			3		3	3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00693

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **002_DH19CD_03**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh			7		5	5,6	0012345678910	0123456789
34	19153079	Hoàng	Thông			7		4,6	5,4	0012345678910	0123456789
35	19153080	Kiều	Thuy			8		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
36	19153081	Bùi Quang	Tiến			8		3	4,5	0012345678910	0123456789
37	19153082	Nguyễn Công Quyết	Tiến			8		3,6	5	0012345678910	0123456789
38	19153083	Giáp Trung	Tín			8		2,2	4	0012345678910	0123456789
39	19153086	TẠ Thị Ngọc	Trình			8		6,6	7,1	0012345678910	0123456789
40	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung			7		7,8	7,6	0012345678910	0123456789
41	19153089	Phạm Lê Tấn	Trường			4		4	4	0012345678910	0123456789
42	19153090	Mai Lê	Tú			8		3,6	5	0012345678910	0123456789
43	19154179	Lê Bá	Tuấn			7		3,4	4,5	0012345678910	0123456789
44	19154185	Trần Lâm	Tùng			8		3,8	5,1	0012345678910	0123456789
45	19153093	Trần Ngọc	Vui			7		4,4	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00693

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19CD_03**

Tổ Thi **002_DH19CD_03**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 01

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc

Nguyễn Thanh Trúc

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 00695

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi **001_DH19OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			10	6,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			10	4,0	3,6	4,4	0012345678910	0123456789
3	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			8,0	6,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			8,0	5,0	3,6	4,5	0012345678910	0123456789
5	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			6,0	5,0	3,6	4,3	0012345678910	0123456789
6	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			10	7,5	4,8	6,1	0012345678910	0123456789
7	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			7,0	6,0	3,4	4,5	0012345678910	0123456789
8	19154052	Nguyễn Thanh Hoàng	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
9	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			10	6,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
10	19154054	Thái Viết Hùng	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
11	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
12	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			10	7,5	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
13	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			10	7,0	4,4	5,7	0012345678910	0123456789
14	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			10	5,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
15	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT			10	7,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
16	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT			10	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00695

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_06**

Tổ Thi

001_DH19OT_06

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi **40** Số sinh viên vắng **4**..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

N.Y. Kiệp

Lê Khắc Quý

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00696

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH19OT_07**

Tổ Thi **001_DH19OT_07**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **07/09/2020**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **TV201A**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT			5,0	7,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
2	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			10	8,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
3	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			10	10	4,4	6,6	0012345678910	0123456789
4	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			10	9,0	3,6	5,9	0012345678910	0123456789
5	19154118	Não Hoài Phúc	DH19OT			5,0	4,5	2,8	3,5	0012345678910	0123456789
6	19154119	Phạm Gia Phúc	DH19OT			8,0	7,0	5,6	6,3	0012345678910	0123456789
7	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			10	8,0	3,6	5,6	0012345678910	0123456789
8	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			10	7,0	3,8	5,4	0012345678910	0123456789
9	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT			8,0	7,0	3,6	5,1	0012345678910	0123456789
10	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			8,0	7,0	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
11	19154132	Nguyễn Văn Sỹ	DH19OT			10	8,0	3,6	5,6	0012345678910	0123456789
12	19154135	Nguyễn Đỗ Anh Tâm	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
13	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			10	7,0	3,4	5,1	0012345678910	0123456789
14	19154138	Đặng Văn Thái	DH19OT		✓					0012345678910	0123456789
15	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			10	8,0	4,4	6,0	0012345678910	0123456789
16	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			10	7,0	4,2	5,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00696

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vật liệu & công nghệ chế tạo(207142)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_07

Tổ Thi 001_DH19OT_07

Tên CBGD Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 07/09/2020

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV201A

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	------	------	----------	-------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

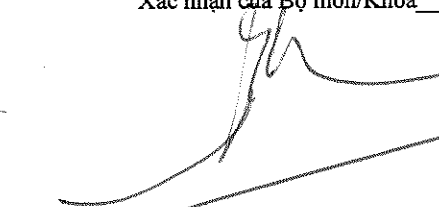
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

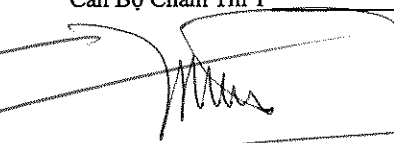
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Lê Văn Đức


Trương Quang Tường


TS. Bùi Ngọc Hùng


Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 00714

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy gia công cơ học NSTP(207216)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			8,0	5,3	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC							0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			8,5	5,6	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC			8,5	6,4	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
5	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC			7,5	6,1	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
6	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			8,5	6,3	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
7	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			8,0	5,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
8	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			7,0	6,8	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
9	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			8,5	6,8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
10	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			8,5	6,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
11	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			6,5	6,9	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
12	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			8,5	4,0	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
13	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			8,5	5,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
14	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC							0012345678910	0123456789
15	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			8,8	5,4	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
16	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			7,5	5,6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00714

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy gia công cơ học NSTP(207216)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

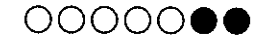
Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			8,0	6,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
18	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			8,5	7,7	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
19	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			8,3	5,4	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			8,5	5,9	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
21	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			9,0	8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
22	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			8,0	6,3	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
23	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			8,0	6,6	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
24	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			9,0	7,4	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
25	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			7,5	6,7	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
26	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			7,3	6,8	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
27	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			8,0	6,2	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
28	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			8,0	4,8	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
29	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			9,3	7,2	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
30	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			9,0	5,8	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
31	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			7,5	6,6	9,5	8,5	0012345678910	0123456789
32	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			8,5	7,2	8,0	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00714

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy gia công cơ học NSTP(207216)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			8,5	6,8	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
34	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			8,0	3,8	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
35	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			8,5	5,2	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
36	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiễn	DH17CC			9,0	4,8	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
37	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			8,8	5,8	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
38	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			7,5	6,1	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
39	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			9,0	6,2	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
40	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			7,5	4,8	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
41	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			9,0	7,2	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
42	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			8,0	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
43	15118128	Hoàng Trung Tướng	DH15CC			4,0	5,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
44	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			7,5	5,2	5,5	5,8	0012345678910	0123456789
45	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			5,0	6,6	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
46	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			9,0	7,4	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
47	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			7,5	4,4	5,5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00714

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy gia công cơ học NSTP(207216)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 19/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi: 5. Số sinh viên vắng: 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn
TS. Bùi Ngọc Hùng
Nguyễn Văn Công Chính
Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 00715

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			9,5	9,0	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
2	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			9,5	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			9,5	7,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			8,5	9,0	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
5	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			9,5	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
6	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			9,5	9,0	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
7	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			9,5	8,5	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
8	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			7,5	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
9	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			9,5	8,5	10	9,5	0012345678910	0123456789
10	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			9,5	7,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
11	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10	8,5	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
12	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			8,5	0,0	4,0	3,3	0012345678910	0123456789
13	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			9,5	8,0	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
14	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			9,5	9,0	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
15	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC			9,5	8,5	7,0	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00715

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sậy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC			9,5	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
18	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			9,5	9,0	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
19	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			9,5	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
20	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			9,5	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
21	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC			9,5	8,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
22	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			9,5	7,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
24	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			8,5	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
25	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			9,5	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
26	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC							0012345678910	0123456789
27	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			9,5	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
28	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			9,5	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
29	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			8,5	8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
30	17137046	Nguyễn Na	DH17NL			8,5	8,0	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
31	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			9,5	8,0	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
32	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			9,5	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00715

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			9,5	8,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
34	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			9,5	8,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
35	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
36	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
37	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			9,5	8,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
38	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			9,5	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
39	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
40	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			9,5	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
41	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			9,5	8,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
42	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			10	8,5	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
43	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			9,5	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
44	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
45	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC			9,5	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
46	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			9,5	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
47	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL			9,5	7,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
48	17137059	Phan Thị Thảo Quyên	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00715

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật sấy(207222)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			9,5	8,5	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
50	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			9,5	8,5	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
51	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			9,5	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
52	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			9,5	7,0	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
53	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			9,5	8,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
54	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
55	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			9,5	8,5	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
56	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			9,5	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
57	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			9,5	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
58	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
59	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
60	17137071	Trần Thùy Linh	DH17NL			9,5	8,5	6,5	7,4	0012345678910	0123456789
61	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
62	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			9,5	8,5	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
63	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			9,5	7,5	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
64	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			9,5	8,5	4,0	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00715

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật sấy(207222)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			9,5	8,5	7,0	7,7	00123456●8910	0123456●89
66	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			9,5	8,5	5,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
67	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			9,5	7,5	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
68	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			9,5	7,5	4,0	5,6	001234●678910	012345●789
69	17118135	Đàng Năng San	DH17CC			8,5	8,5	4,0	5,8	001234●678910	01234567●9
70	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Vân	DH17NL			9,5	7,5	4,5	5,9	001234●678910	012345678●
71	16137101	Phạm Văn Vi	DH16NL			9,5	8,5	5,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
72	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			9,5	8,5	5,0	6,5	0012345●78910	01234●6789
73	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL			9,5	7,5	3,5	5,3	001234●678910	012●456789
74	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			9,5	7,5	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
75	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			9,5	7,5	2,5	4,7	00123●5678910	0123456●89

Số sinh viên dự thi 14. Số sinh viên vắng 01

Ngày 3 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00531

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy chế biến (207230) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Công Chính (329)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC	<i>Anh</i>		6,5	6,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
2	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC	<i>Chiến</i>		8,0	7,5	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
3	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC	<i>Duy</i>		7,0	6,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
4	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC	<i>Hải Dương</i>		8,5	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
5	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC	<i>Hậu</i>		8,5	6,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC	<i>Hồ</i>		8,5	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
7	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC	<i>Hữu</i>		7,0	6,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
8	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC	<i>Khang</i>		8,0	6,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>						0012345678910	0123456789
10	16118080	Bùi Lâm	DH16CC	<i>Lâm</i>		8,5	7,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
11	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC	<i>Lộc</i>		7,5	5,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
12	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC	<i>Nhân</i>		6,0	6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC	<i>Nhân</i>		8,0	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
14	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	<i>Phong</i>		9,0	8,0	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
15	16118119	Đình Đình Hoài Phúc	DH16CC	<i>Phúc</i>		8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
16	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC	<i>Sang</i>		7,5	8,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00531

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Máy chế biến (207230) - 10

CBGD: Nguyễn Văn Công Chính (329)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DH16CC			8,0	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
18	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC			6,5	6,5	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
19	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			9,0	7,5	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
20	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC			9,0	8,5	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
21	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			8,0	6,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
22	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			6,0	6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Văn Tuấn



Mã nhận dạng 00719

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			9,5	4,5	9,0	7,7	001234568910	012345689
2	18118191	Trần Hải Đăng	DH18CKC							0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			6,5	3,5	5,0	4,7	001235678910	012345689
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			9,5	6,0	7,0	7,0	001234568910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			8,5	8,0	6,0	6,9	001234578910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			9,5	9,0	6,0	7,3	001234568910	012456789
7	18118205	Trần Duy Khang	DH18CKC							0012345678910	0123456789
8	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			9,5	5,0	2,5	4,0	001235678910	0123456789
9	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			9,5	7,0	8,5	8,2	001234567910	013456789
10	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			9,5	6,0	8,0	7,6	001234568910	012345789
11	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			9,5	4,0	6,0	5,8	001234678910	012345679
12	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			9,5	5,0	6,0	6,1	001234578910	023456789
13	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			7,5	5,0	1,5	3,2	001245678910	013456789
14	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			9,5	7,0	7,0	7,3	001234568910	012456789
15	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			10	8,0	5,5	6,7	001234578910	012345689
16	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			9,5	5,5	3,5	4,7	001235678910	012345689



Mã nhận dạng 00719

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207236)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi

001_DH18CKC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi **19/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118218	Phạm Văn Tỉnh	DH18CKC			7,5	6,0	0,5	2,9	0012345678910	0123456789
18	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh Trâm	DH18CKC			8,5	4,5	7,0	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 16 Số sinh viên vắng 2

Ngày 3 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Tuấn

Lê Quang Vinh

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00721

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>Anh</i>			9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn Anh	DH18OT	<i>Anh</i>			10	4,0	3,2	0012345678910	0123456789
3	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD	<i>Anh</i>			9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
4	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC	<i>Anh</i>			9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
5	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK	<i>Ba</i>			9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
6	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>			9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
7	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD	<i>Bao</i>			9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789
8	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC	<i>Bao</i>			9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
9	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT	<i>Chau</i>			10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
10	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD	<i>Chi</i>			9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
11	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC	<i>Cho</i>			9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
12	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK	<i>Chi</i>			8,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
13	18154019	Huỳnh Công Danh	DH18OT	<i>Danh</i>			9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
14	18154028	Phạm Tiên Dũng	DH18OT	<i>Dung</i>			9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
15	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>Duy</i>			9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
16	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Duy</i>			7,5	4,0	4,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00721

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
18	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
19	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
20	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC				10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
21	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
22	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC				8,5	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
23	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
24	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD				8,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
✓ 25	18118025	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CC							0012345678910	0123456789
26	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				9,5	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
27	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC				8,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
28	18154035	Dương Trọng Hiếu	DH18OT				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
29	18154037	Nguyễn Văn Hóa	DH18OT				8,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
✓ 30	19118091	Ngô Sang Huy	DH19CC							0012345678910	0123456789
31	18154046	Nguyễn Hoàng Huy	DH18OT				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
32	18154047	Nguyễn Hữu Minh Huy	DH18OT				9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00721

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK	Huy			9,5	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
34	17118046	Trần Khải	DH17CK	Kh			9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
✓35	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 32 Số sinh viên vắng 2

Ngày 4 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hien

Bùi Công Hân

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00722

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 002_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
2	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
3	18154066	Lưu Kim Long	DH18OT				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
4	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC				7,5	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
6	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK				8,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
7	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC				6,5	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
8	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				9,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
9	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD				9,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
10	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC				8,5	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
11	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
12	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC				9,5	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	17154064	Nguyễn Thành Nhân	DH17OT				9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
14	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC				8,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
15	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK				7,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
16	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD				7,5	4,5	5,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00722

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 002_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD				8,5	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
18	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				7,5	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
19	17118094	Bùi Phú Tâm	DH17CK				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
20	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	18154110	Huỳnh Phước Thái	DH18OT				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
22	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC				9,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
23	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC				9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
24	18154112	Trần Lê Phương Thái	DH18OT				9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
25	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	DH18CC				9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
26	18153067	Trần Hải	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
27	18154113	Lê Đức Thắng	DH18OT				9,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
28	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD				9,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
29	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
30	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD				10	10	10	0012345678910	0123456789
31	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC				9,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
32	18154119	Đoàn Văn Thìn	DH18OT				8,5	9,5	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00722

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 002_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT	Thịnh			8,5	3,5	4,5	0012345678910	0123456789
34	18154120	Trần Quốc Thịnh	DH18OT	Thịnh			9,5	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
35	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT	Thông			9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
36	18154122	Hồ Văn Thuận	DH18OT	Thuận			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
37	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC	Ti			8,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
38	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC	Tiến			9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
39	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT	Tiến			9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
✓ 40	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD	Tiến						0012345678910	0123456789
41	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC	Tín			9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
42	18154125	Nguyễn Văn Toàn	DH18OT	Toàn			8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
43	13154062	Huỳnh Quang Trạng	DH13OT	Trạng						0012345678910	0123456789
44	18154126	Võ Minh Trí	DH18OT	Trí			9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
45	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC	Trung			9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
46	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK	Trung			8,5	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
47	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC	Tuấn			9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
48	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC	Tuấn			9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00722

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 002_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17154118	Lê Văn Tùng	DH17OT				9,5	9,7	9,7	0012345678910	0123456789
50	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
51	18154132	Nguyễn Thanh Tùng	DH18OT				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
52	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
53	18118183	Nguyễn Hồ Phú	DH18CC				8,5	3,0	4,1	0012345678910	0123456789
54	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
55	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng 02

Ngày 7 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Lê Khắc Quý

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00723

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh An	DH18CD		15					0012345678910	0123456789
2	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
4	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
5	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD				9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
6	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
7	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD				10	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
8	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD				9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
9	17154016	Nguyễn Khoa Điền	DH17OT				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
10	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
11	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT				10	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
13	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD				5,5	5,0	5,1	0012345678910	0123456789
14	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD				9,5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
15	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD				9,5	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
16	18154048	Phạm Trần Gia Huy	DH18OT				7,5	6,5	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00723

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD				4,5	1,5	2,1	0012345678910	023456789
18	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD				9,5	6,5	7,1	0012345678910	023456789
19	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD				9,5	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
20	18154051	Đình Nhĩ Khang	DH18OT				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
21	17153035	Dương Quốc Khánh	DH17CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
22	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD				9,5	4,0	5,1	0012345678910	023456789
23	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
24	18154061	Chu Phú Lâm	DH18OT				8,5	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
25	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
26	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD				8,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
27	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD				9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
28	18154078	Đặng Văn Ngoan	DH18OT				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
29	18154081	Võ Nhật Nguyên	DH18OT				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
30	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD				8,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
31	17154066	Đình Xuân Nhật	DH17OT				7,5	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
32	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD				8,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00723

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CD_02

Tổ Thi 001_DH18CD_02

Tên CBGD Lê Anh Đức

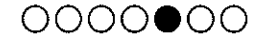
Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD				10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
34	18154092	Chau Sô Phát	DH18OT				8,5	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
35	18154095	Nguyễn Văn Phong	DH18OT				10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
36	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
37	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD				9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
38	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD				9,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
39	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD				8,5	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
40	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT		Vắng					0012345678910	0123456789
41	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				9,5	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
42	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD				7,5	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
43	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC				8,5	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
44	18154115	Trần Hữu Thắng	DH18OT				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
45	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD				8,5	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
46	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD				9,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00723

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở truyền nhiệt(207239) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH18CD_02 Tổ Thi 001_DH18CD_02 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 18/08/2020 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 44 Số sinh viên vắng 02

Ngày 4 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hữu Hòa

Lê Anh Đức

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 00534

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118005	Phan Văn Hùng Anh	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
6	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00534



Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 02

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17118104	Hồ Văn Kỳ	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17118107	Bá Duy	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17118108	Nguyễn Chí	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	16118180	Võ Quang Vy	DH16CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kiều Văn Đức

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Kiều Văn Đức



Mã nhận dạng 00535

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	15118012	Trần Thanh Danh	DH15CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	17118024	Lê Văn Dữ	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			1,5	1,5	4	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
15	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 00535

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Thực tập lái máy (207314) - 03

CBGD: Kiều Văn Đức (856)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK			1,5	1,5	5,5	8,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			1,5	1,5	5	8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			1,5	1,5	6	9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

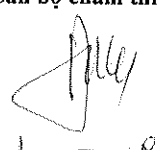
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Kiều Văn Đức


PGS.TS. Nguyễn Huy Bích


Kiều Văn Đức



Mã nhận dạng 00740

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi 001_DH16NL_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
3	16137005	Quách Đình Cảm	DH16NL				8,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
4	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
5	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL				9,5	6,5	7,1	0012345678910	023456789
6	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
7	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
8	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL				9,5	6,5	7,1	0012345678910	023456789
9	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL				10	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
10	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL				8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
11	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
12	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
13	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
14	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL				8,5	10	9,7	0012345678910	0123456789
15	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789
16	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	023456789



Mã nhận dạng 00740

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL				8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
18	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL				9,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
19	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
20	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL				9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
21	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL				9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
22	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL				7,5	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
23	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL				8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
24	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL				10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
25	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL				9,5	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
26	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL				8,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
27	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL				8,0	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
28	16137066	Đông Ngọc Sơn	DH16NL				10	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
29	16137072	Nguyễn Việt Thanh	DH16NL				8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
30	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL				9,5	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
31	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL				9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
32	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL				9,5	7,5	7,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00740

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV201B

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137089	Mai Trung	Trường	DH16NL			8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
34	16137091	Vũ Nhật	Trường	DH16NL			9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
35	16137093	Lê Văn	Tuấn	DH16NL			9,5	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
36	16137096	Phạm Anh	Tuấn	DH16NL			9,5	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
37	16137101	Phạm Văn	Vĩ	DH16NL			8,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
38	16137103	Cao Nguyễn Xuân	Vinh	DH16NL			9,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
39	16137105	Nguyễn Hữu Anh	Vũ	DH16NL			7,5	1,5	2,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 39 Số sinh viên vắng 0.

Ngày 4 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn
Lê Văn Tuấn

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00746

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			8,5	8,5	9,5	9,1	0012345678910	0023456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			9,0	6,0	8,5	8,1	0012345678910	0023456789
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC			6,0	9,0	6,0	6,6	0012345678910	00123456789
4	15118007	Lâm Quang	DH15CC			5,5	10	4,5	5,8	0012345678910	00123456789
5	17153021	Đặng Thế	DH17CD			8,5	9,5	9,5	9,3	0012345678910	00123456789
6	17118027	Nguyễn Anh	DH17CC			7,0	9,5	2,0	4,5	0012345678910	00123456789
7	17137017	Tạ Triệu	DH17NL			9,0	9,8	9,5	9,5	0012345678910	00123456789
8	17118029	Trần Minh	DH17CC			8,0	9,0	6,5	7,3	0012345678910	00123456789
9	15153017	Trịnh Văn	DH15CD			2,5	6,5	5,0	4,8	0012345678910	00123456789
10	17137023	Mai Văn	DH17NL			9,0	9,3	9,5	9,4	0012345678910	00123456789
11	17118045	Nguyễn Phát	DH17CC			8,5	6,8	8,0	7,9	0012345678910	00123456789
12	17118042	Trần Quang	DH17CC							0012345678910	00123456789
13	17118057	Nguyễn Văn	DH17CC			6,0	9,0	4,5	5,7	0012345678910	00123456789
14	15118061	Đoàn Minh	DH15CC			8,0	10	5,0	6,7	0012345678910	00123456789
15	17118067	Lý Thái	DH17CC			7,0	9,8	7,0	7,6	0012345678910	00123456789
16	17118070	Trần Trọng	DH17CC			8,5	9,0	9,0	8,9	0012345678910	00123456789



Mã nhận dạng 00746

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			8,5	9,8	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
18	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			6,5	8,5	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
19	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC			9,5	6,8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
20	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			6,0	0,0	5,0	4,3	0012345678910	0123456789
21	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			8,0	9,0	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
22	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			6,0	8,5	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
23	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			9,5	9,8	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
24	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			8,5	9,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
25	17137062	Lê Thị Cẩm Thạch	DH17NL			9,0	9,3	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
26	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			9,0	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
27	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			9,0	8,0	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
28	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT			10	8,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
29	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			8,0	9,0	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
30	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			9,0	9,8	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
31	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			6,5	7,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
32	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			8,5	9,5	4,5	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00746

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			9,0	6,8	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
34	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			9,0	6,0	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
35	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			7,0	6,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
36	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			9,0	8,5	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
37	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			9,5	9,0	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
38	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			7,0	7,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 37 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Nguyễn Thanh Phong

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00747

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

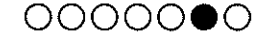
Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC	An	1	8,0	6,5	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK	Phan		7,5	8,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
3	17118010	Trương Minh	DH17CK	Bao		8,0	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
4	17118007	Bùi Đình	DH17CK	Bui		9,5	10	9,0	9,3	0012345678910	0123456789
5	16118035	Phạm Anh	DH16CK	Anh		7,5	8,0	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
6	17118025	Nguyễn Mậu	DH17CK	Mau		7,0	8,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	16118036	Trần Nguyễn Hải	DH16CC	Hai		8,5	8,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	17118017	Nguyễn Hải	DH17CK	Hai		5,5	8,0	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
9	17118026	Lê Đình	DH17CK	Le		7,0	9,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
10	15118140	Trương Đăng	DH15CK	Khoa		8,0	9,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	17138027	Nguyễn Tấn	DH17TD	Tan		6,5	9,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
12	17118052	Bùi Thanh	DH17CK	Lam		8,5	9,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
13	14153024	Ngô Tường	DH14CD							0012345678910	0123456789
14	16118081	Trần Hữu	DH16CK	Huu		9,5	9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
15	16118098	Nguyễn Bình Trí	DH16CK	Tran		8,0	8,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
16	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK	Yen		8,5	9,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00747

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật TĐ khí nén & thủy lực(207504)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi 001_DH17CK_02

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi CT102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			7,0	9,5	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
18	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			8,5	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
19	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			8,5	10	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
20	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK			6,5	7,5	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
21	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			6,5	10	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
22	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			5,8	6,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
23	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			9,0	9,0	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
24	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			9,0	8,0	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
25	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			8,5	8,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
26	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			8,5	7,5	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
27	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK			8,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
28	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK			8,5	10	9,0	9,1	0012345678910	0123456789
29	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			9,0	10	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
30	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			7,5	8,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
31	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			7,0	9,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
32	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK			5,5	8,0	8,5	7,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00747

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **CT102**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118118	Kiều Trọng	Tín	Tín		7,5	9,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
34	17118119	Trần Trọng	Toàn	Trần		9,0	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
35	17118120	Nguyễn Quang	Trí	Quang		8,5	8,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
36	17118125	Ngô Tùng	Trung	Trung		7,5	8,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
37	17118130	Huỳnh Anh	Tú	Anh		8,5	9,5	5,0	6,6	0012345678910	0123456789
38	17118137	Lê Đình	Việt	Đình		7,0	9,5	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
39	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh	Xuân	✓					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 37 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Công Chính

T. Tín

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00748

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CKC_04**

Tổ Thi **001_DH17CKC_04**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **17/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên			9		9,5	9,9	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô			7		7,5	7,9	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á	Đông			9		6	7,2	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu			9		7,5	8,1	0012345678910	0123456789
5	17118161	Lê Minh	Hoàng			9		6,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	17118165	Nguyễn Minh	Huy			9		7	7,8	0012345678910	0123456789
7	17115069	Đặng Xuân	Minh			6,5		7	6,8	0012345678910	0123456789
8	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phuong			6,5		7,5	7,1	0012345678910	0123456789
9	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến			7,5		9	8,4	0012345678910	0123456789
10	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ			6,5		8,5	7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng
 Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in: 07/07/2020

Cao Đức Lợi

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 00752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					10	10	0012345678910	0123456789
2	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
3	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD					8,2	8,2	0012345678910	0123456789
4	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
5	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD					5,2	5,2	0012345678910	0123456789
6	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
7	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					6,8	6,8	0012345678910	0123456789
8	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					8,6	8,6	0012345678910	0123456789
9	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
10	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
11	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD					9,4	9,4	0012345678910	0123456789
12	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
13	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
14	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					7,2	7,2	0012345678910	0123456789
15	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
16	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD					9,4	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
18	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD					9	9	0012345678910	0123456789
19	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
20	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
21	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
22	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
23	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
24	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
25	18138037	Trần Trọng	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
26	18138032	Chung Hiệp	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
27	18138033	Nguyễn Thế	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
28	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
29	18138042	Nguyễn Công	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
30	18138043	Nguyễn Duy	DH18TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
31	18138044	Đinh Trọng	DH18TD					9	9	0012345678910	0123456789
32	18138046	Phạm Văn Tiểu	DH18TD					7,4	7,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
34	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
35	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					9	9	0012345678910	0123456789
36	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
37	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
38	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
39	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					5,6	5,6	0012345678910	0123456789
40	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					5,6	5,6	0012345678910	0123456789
41	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
42	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
43	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
44	18138062	Trần Phát	DH18TD					9,6	9,6	0012345678910	0123456789
45	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
46	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD							0012345678910	0123456789
47	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
48	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					9,4	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tô Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
50	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
51	18138072	Lê Tấn Quí	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
52	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
53	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
54	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
55	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					9,4	9,4	0012345678910	0123456789
56	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
57	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
58	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD					7,4	7,4	0012345678910	0123456789
59	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD					5,8	5,8	0012345678910	0123456789
60	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
61	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
62	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD					4,4	4,4	0012345678910	0123456789
63	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
64	18138090	Nguyễn Cao Thy	DH18TD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00752

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207546)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Trương Công Tiến

Ngày Thi 17/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV302

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD					8	8	0012345678910	0123456789
66	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
67	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD					8,4	8,4	0012345678910	0123456789
68	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD					10	10	0012345678910	0123456789
69	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD					9,8	9,8	0012345678910	0123456789
70	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 6. Số sinh viên vắng 2.

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hà

Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00753

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **001_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
4	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
5	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD					7.5	7.5	0012345678910	0123456789
6	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
7	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
8	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
9	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
10	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC					4	4	0012345678910	0123456789
11	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
12	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
13	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
14	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
15	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
16	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00753

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **001_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **HD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đinh	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789
18	18154024	Nguyễn Phi	Đinh	DH18OT				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
19	18118024	Lê Xuân	Đức	DH18CC				7	7	0012345678910	0123456789
20	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789
21	17153024	Đặng Minh	Hải	DH17CD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
22	17153025	Trần Sơn	Hải	DH17CD				5.5	5.5	0012345678910	0123456789
23	18138026	Phan Gia	Hiếu	DH18TD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
24	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT				3	3	0012345678910	0123456789
25	18138027	Vũ Minh	Hòa	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789
26	18137018	Nguyễn Duy	Hoài	DH18NL				5	5	0012345678910	0123456789
27	18138028	Trần Văn	Hoài	DH18TD				5	5	0012345678910	0123456789
28	18138029	Nguyễn Văn	Hoàng	DH18TD				4.5	4.5	0012345678910	0123456789
29	18138030	Trần Lê	Huân	DH18TD				4	4	0012345678910	0123456789
30	18138034	Lê Thanh	Huy	DH18TD				6.5	6.5	0012345678910	0123456789
31	18138036	Phan Trần Hoàng	Huy	DH18TD				6	6	0012345678910	0123456789
32	18138037	Trần Trọng	Huy	DH18TD				7	7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00753

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)** Số Tín Ch **2**
 Nhóm Thi **DH18TD_01** Tổ Thi **001_DH18TD_01** Tên CBGD **Trương Công Tiến**
 Ngày Thi **21/08/2020** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138032	Chung Hiệp	Hung					2.5	2.5	0012345678910	0123456789
34	18138033	Nguyễn Thế	Hung					9.5	9.5	0012345678910	0123456789
35	18138041	Lê Phúc	Khang					7	7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 0

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lương Văn Đức

T. C. Tiến

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến

Ngày in : 07/07/2020



Mã nhận dạng 00754

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **002_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
2	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
3	18138044	Đình Trọng Khôi	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
4	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
5	18154056	Cao Trung Kiên	DH18OT					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
6	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
7	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
8	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
9	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
10	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
11	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
12	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC					4	4	0012345678910	0123456789
13	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
14	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
15	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
16	18154071	Nguyễn Thế Nam	DH18OT					6.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00754

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
18	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					4.5	4.5	0012345678910	0123456789
19	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD					4	4	0012345678910	0123456789
20	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
21	18154085	Lê Quốc Nhân	DH18OT							0012345678910	0123456789
22	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
23	18138062	Trần Phát	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
24	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
25	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD							0012345678910	0123456789
26	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
27	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
28	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
29	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
30	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD					8	8	0012345678910	0123456789
31	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD					9	9	0012345678910	0123456789
32	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 00754

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **002_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD					7	7	0012345678910	0123456789
34	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
35	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					5	5	0012345678910	0123456789
36	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
37	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
38	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD					1.5	1.5	0012345678910	0123456789
39	17153067	Trương Đức Thịnh	DH17CD					4	4	0012345678910	0123456789
40	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
41	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD					4	4	0012345678910	0123456789
42	18153073	Nguyễn Tấn Thuận	DH18CD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
43	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789
44	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD					4	4	0012345678910	0123456789
45	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD					4	4	0012345678910	0123456789
46	18138090	Nguyễn Cao Thy	DH18TD							0012345678910	0123456789
47	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL					6	6	0012345678910	0123456789
48	17153076	Phạm Ngọc Triệu	DH17CD					5.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00754

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật hệ thống(207547)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **002_DH18TD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **21/08/2020**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD					6	6	0012345678910	0123456789
50	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
51	18118164	Lê Minh	DH18CC					5	5	0012345678910	0123456789
52	18138097	Phan Bá	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
53	18138098	Lý Hồng	DH18TD					0	0	0012345678910	0123456789
54	18138099	Nguyễn Anh	DH18TD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
55	17153079	Võ Quốc	DH17CD					6.5	6.5	0012345678910	0123456789
56	18138102	Ngô Lương	DH18TD					3	3	0012345678910	0123456789
57	17153080	Hoàng Thanh	DH17CD					6	6	0012345678910	0123456789
58	18153086	Nguyễn Việt	DH18CD					2	2	0012345678910	0123456789
59	18137050	Nguyễn Thị	DH18NL					5.5	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng 03

Ngày 18 Tháng 9 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 07/07/2020

Cán bộ coi thi 1

TS. Trương Công Tiến

TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 00762

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi

001_DH17TD_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			9	9	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
3	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
4	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
5	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
6	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			9	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
7	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
8	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
9	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
10	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			9	10	1	4,5	0012345678910	0123456789
11	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			7	8	4	5,5	0012345678910	0123456789
12	17153200	Phạm Văn Hạnh	DH17CD			7	9	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
13	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
14	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
15	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD			9	9	7	7,8	0012345678910	0123456789
16	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			7	8	1	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00762

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **001_DH17TD_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **18/08/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD		1	0	8	3	4,2	0012345678910	0123456789
18	17138022	Trần Minh Huấn	DH17TD			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
19	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
20	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
21	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			8	8	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
22	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			8	8	1	3,8	0012345678910	0123456789
23	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
24	17153040	Đặng Ngọc Lâm	DH17CD			9	9	5	6,6	0012345678910	0123456789
25	17153042	Nguyễn Quang Linh	DH17CD			9	9	6	7,2	0012345678910	0123456789
26	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
27	14153029	Hàng Lực	DH14CD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789
28	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
29	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			6	8	1	3,6	0012345678910	0123456789
30	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			8	8	3	5,0	0012345678910	0123456789
31	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
32	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			7	9	3	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00762

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi 001_DH17TD_02

Tên CBGD Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			9	8	1	3,9	0012345678910	0123456789
34	17153059	Nguyễn Thanh Sơn	DH17CD			7	8	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
35	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			9	9	8	8,4	0012345678910	0123456789
36	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			8	8	2	4,4	0012345678910	0123456789
37	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			9	9	1	4,2	0012345678910	0123456789
38	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			9	9	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
39	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			9	8	0	3,3	0012345678910	0123456789
40	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			9	8	2	4,5	0012345678910	0123456789
41	17153068	Phan Anh Thơ	DH17CD			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
42	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			8	8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
43	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
44	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	DH17TD			9	9	4	6,0	0012345678910	0123456789
45	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			8	9	10	9,5	0012345678910	0123456789
46	17153073	Nguyễn Minh Toàn	DH17CD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
47	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD			9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
48	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			7	8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00762

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Kỹ thuật xử lý ảnh(207624)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi

001_DH17TD_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Ngà

Ngày Thi 18/08/2020

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17153075	Lê Quốc Trang	DH17CD			9	9	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
50	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD			9	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
51	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			9	8	3	5,1	0012345678910	0123456789
52	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD			9	7	3	4,8	0012345678910	0123456789
53	17138060	Trương Tuấn	DH17TD			7	8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
54	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 54 Số sinh viên vắng ...0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Thị Kim Ngà

Lê Khắc Quý

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Trần Thị Kim Ngà

Ngày in : 07/07/2020